

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
(V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn)

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

Chủ tọa phiên họp: Ông Bùi Quang Năng - Thẩm phán.

Thư ký phiên họp: Bà Hà Thị Vân Nga.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên họp: Bà Dương Thị Thanh Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 215/2022/TLST- HNGĐ, ngày 03 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định mở phiên họp số 23/2023/QĐ-TA ngày 15 tháng 02 năm 2023 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

Chị Trần Thị Bảo T, sinh năm 1997; nơi ĐKKHKT: Thôn E, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Anh Nguyễn Văn T1; sinh năm 1993; nơi ĐKNKTT trước khi xuất cảnh: Thôn E, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Có ý kiến xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

Theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn có tại hồ sơ, chị Trần Thị Bảo T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Bảo T và anh Nguyễn Văn T1 kết hôn vào ngày 06/3/2014, trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị về sống chung với bố mẹ chồng tại Thôn E, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Kết hôn được khoảng 03 năm, đến năm 2015, anh T1 đi xuất khẩu lao động tại Đ, chị T ở nhà với bố mẹ chồng và con nhỏ. Đến tháng 8 năm 2017, chị T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Tháng 12/2017, anh T1 về nước và đến tháng 02/2018, anh T1 cũng xuất khẩu sang Đài Loan. Mâu thuẫn nảy sinh kể từ khi anh T1 về nước vào tháng 12/2017, do anh T1 không tin tưởng vợ, dẫn đến cãi vã nhau và không tôn trọng lẫn nhau. Ngay cả thời điểm anh T1 xuất khẩu sang Đài Loan, hai vợ chồng cũng không ở cùng nhau đến nay. Và hiện tại, bản thân chị cũng xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt

được, đời sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn đã hết sức trầm trọng nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh [T1](#) được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là [Nguyễn Trần Gia B](#), sinh ngày 11/01/2014. Nguyên vọng của chị [T](#), nếu Tòa giải quyết ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết giao con chung cho anh [Nguyễn Văn T1](#) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do hiện tại, anh [T1](#) đang xuất khẩu lao động ở nước ngoài nên ông bà nội con là [Nguyễn Văn N](#) và [Đâu Thị N1](#) sẽ chịu trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con thay anh [T1](#). Chị [T](#) tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện công việc chị [T](#) không thể về tham gia giải quyết vụ việc được nên chị [T](#) đã có đơn xin giải quyết vắng mặt nộp tại hồ sơ.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 11/01/2023, với sự chứng kiến đại diện Tòa án và của chính quyền địa phương, ông [Nguyễn Văn N](#) và bà [Đâu Thị N1](#) là bố mẹ đẻ anh [T1](#) đã có cuộc gọi bằng hình ảnh cho anh [Nguyễn Văn T1](#) để nghe anh [T1](#) trình bày quan điểm của mình về vụ việc. Qua cuộc gọi, anh [T1](#) đã trình bày về quá trình kết hôn, chung sống, mâu thuẫn, con chung, tài sản chung cơ bản thống nhất như trình bày của chị [Trần Thị Bảo T2](#). Anh [T1](#) cũng xét thấy, hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên anh thống nhất đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị [Trần Thị Bảo T](#) và anh [Nguyễn Văn T1](#); Công nhận sự thỏa thuận giữa hai vợ chồng anh [T1](#), chị [T](#) về việc giao con chung [Nguyễn Trần Gia B](#), sinh ngày 11/01/2014 cho anh [T1](#) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Trong thời gian anh [T1](#) ở nước ngoài, ông bà [Nguyễn Văn N](#) và [Đâu Thị N1](#) là bố mẹ đẻ anh [T1](#) sẽ thay mặt anh [T1](#) trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu [B](#) cho đến lúc anh về nước) Công nhận sự tự nguyện đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ của chị [T](#) và công nhận sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Do điều kiện công việc ở nước ngoài không thể về trực tiếp tham gia giải quyết vụ việc ly hôn giữa hai bên nên anh [T1](#) cũng đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc vắng mặt anh, đồng thời ủy quyền cho ông bà [Nguyễn Văn N](#) và [Đâu Thị N1](#) thay mặt anh [T1](#) giao nhận văn bản tài liệu tố tụng với Tòa án.

Ông bà [Nguyễn Văn N](#) và [Đâu Thị N1](#) là bố mẹ đẻ anh [T1](#) cũng đã có đơn xin tự nguyện thay mặt anh [T1](#) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu [Nguyễn Trần Gia B1](#) trong thời gian anh [T1](#) đang ở nước ngoài và không yêu cầu vợ chồng anh [Nguyễn Văn T1](#) và chị [Trần Thị Bảo T](#) phải thanh toán tiền công chăm sóc, nuôi dưỡng cháu.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau, đề nghị Tòa án áp dụng Điều 369, Điều 370 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 51, 55, 81, 82, 83, 116, 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc Hôn nhân gia đình đã được thẩm tra tại phiên họp; Ý kiến trình bày của đương sự và đại diện Viện kiểm sát; Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

Anh [Nguyễn Văn T1](#) hiện cư trú tại Đài Loan, có xác nhận tại Công văn số 22457/QLXNC-P5 ngày 26/10/2022 của [Cục Q- Bộ C](#). Chị [Trần Thị Bảo T](#) có nơi cư trú tại [huyện N, tỉnh Hà Tĩnh](#) nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Điều 29, Điều 37, Điều 39 Bộ luật TTDS năm 2015. Tại thời điểm thụ lý vụ án, chị [Trần Thị Bảo T](#) làm đơn khởi kiện về việc ly hôn. Vì vậy, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình theo quy định tại điều 28 BLTTDS. Quá trình giải quyết, các bên đã thống nhất toàn bộ nội dung vụ việc và thống nhất đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn cùng các quan hệ nuôi con, tài sản chung nên Tòa án đã ra Quyết định chuyển quan hệ pháp luật từ vụ án thành việc hôn nhân gia đình theo quy định tại điều 29 BLTTDS. Chị [Trần Thị Bào T2](#) và anh [Nguyễn Văn T1](#) đều có đơn và ý kiến xin vắng mặt. Chị [Trần Thị Bảo T](#) đã ủy quyền việc giao nhận tài liệu chứng cứ và các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà [Nguyễn Thị P](#) còn anh [T1](#) ủy quyền cho ông bà [Nguyễn Văn N](#) và [Đâu Thị N1](#). Căn cứ quy định tại Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình vắng mặt chị [T](#) và anh [T1](#) theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Chị [Trần Thị Bảo T](#) và anh [Nguyễn Văn T1](#) có đủ các điều kiện kết hôn; thực hiện việc đăng ký kết hôn hợp lệ vào ngày 06 tháng 3 năm 2014 tại [Ủy ban nhân dân xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh](#). Căn cứ quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 khẳng định hôn nhân của chị [T](#) và anh [T1](#) là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chị [T](#), anh [T1](#) chung sống hạnh phúc được khoảng 03 tháng thì hai vợ chồng đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài, không sống cùng nhau một thời gian dài, do đó giữa hai vợ chồng thường xuyên nảy sinh nghi ngờ, không tin tưởng nhau dẫn đến thường xuyên cãi vã không tôn trọng nhau. Thời điểm hai vợ chồng cùng xuất khẩu lao động sang Đài Loan vào khoảng năm 2018, mâu thuẫn vợ chồng vẫn không hòa giải được nên vợ chồng chị [T](#) anh [T1](#) cũng ly thân từ đó. Xét thấy, tình trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng chị [T](#), anh [T1](#) đã hết sức trầm trọng, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Các đương sự cũng đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Đối chiếu các quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 việc công nhận yêu cầu thuận tình ly hôn giữa chị [Trần Thị Bảo T](#) và anh [Nguyễn Văn T1](#) là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là [Nguyễn Trần Gia B](#), sinh ngày 11/01/2014. Xét thấy, các đương sự đều có nguyện vọng thống nhất giao con chung cho anh [Nguyễn Văn T1](#) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi

trưởng thành. Bản thân cháu B cũng có nguyện vọng được sống với bố. Hiện tại, anh Nguyễn Văn T1 đang ở nước ngoài, chưa thể về nước để chăm sóc nuôi dưỡng con chung; Ông Nguyễn Văn N và bà Đậu Thị N1, bố mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn T1 đã có cam kết sẽ chịu trách nhiệm đảm bảo việc trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu B cho đến khi anh T1 về nước. Chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ kể từ khi ly hôn đến khi con đủ 18 tuổi. Vì vậy, cần công nhận sự tự nguyện thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con và trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con của các bên. Đồng thời, trong thời gian anh T1 chưa thể về nước cần tiếp tục tạm giao cháu B cho ông Nguyễn Văn N và bà Đậu Thị N1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B thay anh T1 là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 29; Điểm b, khoản 1 điều 37; Điều 39; Điều 149; Các Điều 361, 367, 369, 370, 371 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51, 55, 81, 82, 83, 116, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Các Điều 35, 36, 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Bảo T và anh Nguyễn Văn T1.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giao con chung Nguyễn Trần Gia B, sinh ngày 11/01/2014 cho anh Nguyễn Văn T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị T tự nguyện đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng chẵn). Hai bên được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

3. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện nộp 300.000đ lệ phí ly hôn sơ thẩm của chị Trần Thị Bảo T (đã nộp 300.000đ tại biên lai số 0000378 ngày 04/11/2022 tại Cục thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh). Chị T phải tiếp tục nộp 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình không có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp không có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với Quyết định này.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay.

Nơi nhận

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã Xuân Hồng;
- Đương sự ;
- Lưu HS, TDS.

THẨM PHÁN- CHỦ TRÌ PHIÊN HỌP

Bùi Quang Năng

